

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2024/DS - ST**
Ngày: 26-4-2024
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà
2. Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2023/TLST-DS ngày 09/11/2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 07/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 29/3/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Hoàng Trung H - Phó Giám đốc kiêm trưởng phòng giao dịch Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu – Phòng Giao dịch Rạch Dừa (Theo quyết định ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Ông Vũ Hoàng Trung H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh M – Phó Phòng giao dịch Rạch Dừa (Theo giấy ủy quyền số 222/2023/GUQ-PGD Rạch Dừa ngày 15/12/2023) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu phố H, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thành Quốc B, sinh năm 2001; Địa chỉ: khu phố P, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh M trình bày:

Ngày 11/10/2016, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với bà Nguyễn Thị T giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết, số thẻ 356480-6775, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất 0,84%/tháng. Ngày 18/11/2022 ký giấy đề nghị cấp tăng hạn mức thẻ tín dụng 400.000.000 đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng (lãi suất trong hạn). Mục đích sử dụng của hai thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân.

Bà T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút tiền và trả quay vòng nhiều lần. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 502.000.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Nguyễn Thị T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Nguyễn Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 259.519.456 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả số nợ còn lại.

Tạm tính đến ngày 26/4/2024 bà Nguyễn Thị T còn nợ ngân hàng các khoản nợ như sau:

+ Thẻ số 01, số thẻ: 423238-2515. Nợ gốc là 344.244.026 đồng. Lãi quá hạn là 89.055.883 đồng. Tổng cộng số tiền là 433.299.909 đồng.

+ Thẻ số 02, số thẻ: 356480-6775. Nợ gốc là 31.310.820 đồng. Lãi quá hạn là 4.464.944 đồng. Tổng cộng số tiền là 35.775.764 đồng.

Tổng số tiền nợ của các khoản vay thẻ nêu trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 469.075.673 đồng (trong đó nợ gốc 375.554.846 đồng, nợ lãi 93.520.827 đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền này và tiền lãi phát sinh theo 02 giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng từ ngày 27/4/2024 đến khi bà Nguyễn Thị T hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ cho bà T vay số tiền trên nên chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa... theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Hải không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Tại phiên Tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ của các khoản vay thẻ nêu trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 469.075.673 đồng (trong đó nợ gốc 375.554.846 đồng, nợ lãi 93.520.827 đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đến khi bà T hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Thị T về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ nhưng bà T vẫn không đến. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: “Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì

được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”. Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem như bà T cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại Tổ 4, ấp An Điền, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các quyết định tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng:

Căn cứ 02 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị T thể hiện bà T đã mở thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng: Số thẻ 356480-6775, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất 0,84%/tháng. Ngày 18/11/2022 ký giấy đề nghị cấp tăng hạn mức thẻ tín dụng 400.000.000 đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng (lãi suất trong hạn) đều với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ngân hàng đã giao thẻ tín dụng, số tài khoản thẻ 3130313566 cho bà T và bà đã thực hiện các giao dịch rút tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả tổng số tiền nợ của các khoản vay thẻ nêu trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 469.075.673 đồng (trong đó nợ gốc 375.554.846 đồng, nợ lãi 93.520.827 đồng). Trong đó: Thẻ số 01, số thẻ: 423238-2515 là 433.299.909 đồng (nợ gốc là 344.244.026 đồng, lãi quá hạn là 89.055.883 đồng); Thẻ số 02, số thẻ: 356480-6775 là 35.775.764 đồng (nợ gốc là 31.310.820 đồng, lãi quá hạn là 4.464.944 đồng). Yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi phát sinh: Xét tại Điều 5.6 và điều 5.7 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng TMCP S (có hiệu lực từ 06/12/2023), các bên có thỏa thuận về lãi suất “Chủ thẻ đồng ý Sacombank là bên quyết định phương pháp tính và tính toán lãi phát sinh đối với giao dịch thẻ”, “...áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank”; do đó cần áp dụng án lệ số 08/2016/AL buộc bà T tiếp tục trả lãi như sau: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và mức lãi cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án: toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày tổng số tiền nợ của các khoản vay thẻ nêu trên tạm tính đến ngày 26/4/2024 là 469.075.673 đồng (trong đó nợ gốc 375.554.846 đồng, nợ lãi 93.520.827 đồng). Cụ thể: Thẻ số 01, số thẻ: 423238-2515 là 433.299.909 đồng (nợ gốc là 344.244.026 đồng, lãi quá hạn là 89.055.883 đồng); Thẻ số 02, số thẻ: 356480-6775 là 35.775.764 đồng (nợ gốc là 31.310.820 đồng, lãi quá hạn là 4.464.944 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.”

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 22.763.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 8.840.000đ (Tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004193 ngày 25/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung